TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1947/2023/HNGĐ-ST
Ngày 27 tháng 9 năm 2023
V/v: Tranh chấp về ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1-Bà Bùi Thị Hòa Bình

2-Bà Nguyễn Thị Bính Thân

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngoan – Công chức Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Linh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 0530/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 03 năm 2022, về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 542/QĐXX-ST ngày 16/08/2023 và Quyết định Hoãn phiên tòa số 438/2023/QĐ-HPT ngày 08/09/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lâm Thị Xuân T, sinh năm 1991 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: 62L/11 đường NH, Phường K, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Lê Đức A, sinh năm 1988 (Vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã A, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ cư trú: 62L/11 cư xá NH, Phường K, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 15/03/2023, bản tự khai, biên bản hòa giải đoàn tụ không thành nguyên đơn bà Lâm Thị Xuân T trình bày:

Bà và Lê Đức A tự nguyện đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân Phường 3, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 045/2014 ngày 26/04/2014.

Sau khi về chung sống một thời gian do hoàn cảnh gia đình và do công việc nên từ năm 2015 vợ chồng ống bà đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, tuy nhiên vì không muốn gia đình, bố mẹ lo lắng nên bà và ông A vẫn cố gắng hàn gắn để xây dựng hạnh phúc gia đình, từ tháng 5 năm 2021 bà đã cùng ông Lê Đức A dọn về nhà mẹ bà tại số 62L/11 cư xá Nguyên Hồng, Phường 11, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống. Tuy nhiên, ông A lại có nhiều biểu hiện và hành động gây áp lực về tâm lý và bạo hành bà, đỉnh điểm là vào năm 2020, ông anh thường bạo hành bà cả thể xác lẫn tâm lý nên bà đã yêu cầu ly hôn thì ông anh lại hứa thay đổi, nhưng chỉ được một thời gian thì lại trở lại như cũ. Sau những căng thẳng của cuộc sống vợ chồng, để không làm ảnh hưởng đến cha mẹ và hàng xóm tôi đã dọn ra ngoài ở, còn ong anh vẫn đi Và vợ chồng tôi sống ly thân từ đó cho đến nay.

Nay nhận thấy hôn nhân không có hạnh phúc nên sau khi nộp đơn xin ly hôn đến Tòa án Bình Thạnh ông đã thông báo đến ông A và ông đã ký tên vào văn bản Đơn xin cam kết ly dị ngày 12/03/2023 mà tôi có nộp kèm cho tòa. Nhưng do ông A không đồng ý đến Tòa để giải quyết vụ việc nên tôi đã phải nộp đơn xin ly hôn. Nay nhận thấy tình cảm không còn, hôn nhân không có hạnh phúc nên bà Thanh đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với ông Lê Đức A.

Về con chung: Ông A và bà T có 01 con chung tên Lê Bảo N, sinh ngày 22/11/2020. Đăng ký khai sinh số 381 ngày đăng ký 01/12/2020 tại UBND Phường 11, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện con chung còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi cần được mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng nên để ổn định cuộc sống của con bà yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Việc cấp dưỡng nuôi con, bà Thanh không yêu cầu ông Lê Đức A cấp dưỡng.

Về tài sản và nợ chung: Bà T xác nhận trong quá trình chung sống bà và ông A không có tài sản chung và cũng không có bất cứ khoản nợ chung nào nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Đức A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có lời khai và không tham gia hòa giải đoàn tụ tại Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay, bà T có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng vẫn đề nghị được giữ nguyên yêu cầu như trong đơn xin ly hôn;

Đại diện viện kiểm sát nhân dân Quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa sơ thẩm nhận xét:

- *Về việc tuân theo tố tụng của thẩm phán:*

Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án dân sự từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, cụ thể: Xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng thẩm quyền giải

quyết của Tòa án, xác định vụ kiện thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa; Việc cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát thực hiện theo đúng quy định từ Điều 170 đến Điều 181 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng theo quy định tại Điều 209, 210, 211 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về việc chấp hành tố tụng:*

Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay bị đơn không thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về nội dung:*

+ Về quan hệ hôn nhân:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 045/2014 do Ủy ban nhân dân Phường 3 Quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/4/2014 thì quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông A là hợp pháp.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhận thấy: Theo lời trình bày của bà Lâm Thị Xuân T thì sau khi kết hôn cuộc sống của vợ chồng bà Thanh xảy ra nhiều mâu thuẫn nghiêm trọng, ông bà không thể hòa hợp được về lối sống với nhau và gần như tranh cãi về nhiều vấn đề trong cuộc sống. Những mâu thuẫn, tình trạng căng thẳng, bất ổn về cả tinh thần, thể chất trong đời sống vợ chồng khiến bà T không thể chịu đựng được. Ông Lê Đức A thường xuyên bạo hành thể xác và tinh thần bà T. Ông ta thường có biểu hiện và lối sống sinh hoạt vợ chồng của người không bình thường, lập dị khiến bà ngày càng khiếp sợ, mất cảm xúc khi phải thực hiện nghĩa vụ vợ chồng. Bà T xét thấy không thể tiếp tục kéo dài, duy trì mối quan hệ hôn nhân với ông Lê Đức A nên bà yêu cầu Tòa án cho bà Thanh được ly hôn với ông Lê Đức A là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Ông A và bà T có 01 con chung là cháu Lê Bảo N, sinh ngày 22/11/2020. Hiện con chung còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi cần được mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng nên để ổn định cuộc sống của con thì việc giao con chung cho bà T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận bà T không yêu cầu ông Lê Đức A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Bà T khai không có tài sản chung và cũng không bất cứ khoản nợ chung nào nên không xem xét.

Bị đơn ông Lê Đức A mặc dù đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt trong toàn bộ quá trình chuẩn bị xét xử chứng tỏ ông A không có

thiện chí hàn gắn và không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân, con chung với bà T.

Từ những nhận định trên, đề nghị HĐXX Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị Xuân T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Thị Xuân T được ly hôn với ông Lê Đức A.

- Về con chung: Giao con chung cho bà Thanh chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận việc bà T không yêu cầu ông Anh cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét.

- Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

+ Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Lâm Thị Xuân T có đơn khởi kiện xin ly hôn với ông Lê Đức A. Đây là quan hệ tranh chấp về Ly hôn. Căn cứ Quyết định cung cấp tài liệu chứng cứ số 639/2023/QĐ-CCTLCC ngày 28/03/2023, Công an phường 11, quận Bình Thạnh xác nhận: *"Nhân khẩu Lê Đức A, sn: 08/04/1988, HKTT: Thôn 3, xã Lộc An, huyện Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng, có đăng ký tạm trú và thực tế cư ngụ tại: 62L/11 cư xá Nguyên Hồng, Phường 11, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh"*. Do đó căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

+ Về tố tụng:

Nguyên đơn, bà Lâm Thị Xuân T có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

Bị đơn ông Lê Đức A đã được Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý, giấy triệu tập đến tòa trình bày lời khai, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải lần 1 và lần 2; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông A vắng mặt không có lý do, vì vậy Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 045/2014 do Uỷ ban nhân dân Phường 3, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, ký ngày 26/04/2014 nên giữa bà Lâm Thị Xuân T và ông Lê Đức A có quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà Lâm Thị Xuân T nộp đơn đến Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh để yêu cầu giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Đức A vì hôn nhân không có hạnh phúc, do phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống về cách sống, chồng thường xuyên bạo hành, có cách nghĩ và cách sống hoàn toàn khác biệt, không thể nào hòa hợp được. Mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Đức A để trả tự do cho nhau.

Xét thấy: Hôn nhân được duy trì trên cơ sở tự nguyện, vợ chồng chung sống mang lại hạnh phúc cho nhau, cùng nhau xây dựng gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững.

Nguyên đơn, bà Lâm Thị Xuân T xác nhận tình cảm vợ chồng giữa bà và ông A không mang lại hạnh phúc cho nhau, từ khi bà nộp đơn đến Tòa án, ông A cũng không quan tâm và không có thái độ hàn gắn. Do đó từ năm 2022 đến nay ông bà đã sống ly thân với nhau.

Bị đơn ông Lê Đức A trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù ông đã được Tòa thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng ông Anh không đến Tòa án làm việc và không có ý kiến gì về yêu cầu ly hôn của bà T. Khi được Tòa án triệu tập đến tòa tham gia hòa giải đoàn tụ ông cũng vắng mặt không lý do. Điều này cho thấy ông không quan tâm đến hạnh phúc hôn nhân của mình và để mặc cho bà T tự quyết định.

Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân giữa ông Lê Đức A và bà Lâm Thị Xuân T, UBND phường 11 nơi ông bà sinh sống cho biết:

Qua kiểm tra thông tin của công an phường, Ủy ban nhân dân phường 11, quận Bình Thạnh cung cấp thông tin như sau:

Trong quá trình chung sống tại địa phương, ông Lê Đức A, sinh năm 1988 và bà Lâm Thị Xuân T, sinh năm 1991, công an phường không nhận được tin báo và giải quyết, cũng như tham gia hòa giải mâu thuẫn tình cảm trong gia đình ông A và bà T.

Từ những phân tích nêu trên có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông A đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện hai người không sống chung với nhau nên khả năng đoàn tụ là không có. Căn cứ quy định tại Điều 51, 53, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để Hội đồng xét xử tuyên xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lâm Thị Xuân T, giải quyết cho bà T được ly hôn với ông A là phù hợp với quy định pháp luật cũng như lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh.

Về con chung: Ông Anh và bà Thanh có một con chung tên Lê Bảo N, sinh ngày 22/11/2020 theo Giấy khai sinh số 381, ngày 01/12/2020 do UBND Phường 11, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Khi ly hôn bà T có nguyện vọng được nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy trẻ Lê Bảo N hiện còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi cần được mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó căn cứ khoản 3 Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Thanh.

Việc cấp dưỡng nuôi con, bà T trình bày có đủ điều kiện nuôi con và không yêu cầu ông Lê Đức A cấp dưỡng, Hội đồng xét xử nhận thấy đây là sự tự nguyện của bà Thanh, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Về tài sản và nợ chung: Bà T xác nhận trong quá trình chung sống bà và ông A không có tài sản chung và cũng không có bất cứ khoản nợ chung nào nên không yêu cầu tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí sơ thẩm: Bà Lâm Thị Xuân T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Khoản 4 điều 147; khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228, Điều 232, Điều 266, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 2, 19, 21, 51, 53, 56; 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 *ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.*

Truyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị Xuân T.

1. Về hôn nhân: Bà Lâm Thị Xuân T được ly hôn với ông Lê Đức A.

Giấy chứng nhận kết hôn số 045/2014 do Uỷ ban nhân dân Phường 3, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, ký ngày 26/04/2014 không còn giá trị sử dụng kể từ ngày bản án này có hiệu lực thi hành.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Bảo N, sinh ngày 22/11/2020 cho bà Lâm Thị Xuân T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện bà T không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con.

Ông A được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà T khai không có và không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Bà T khai không có và không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), bà Lâm Thị Xuân T phải nộp. Nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí do bà Thanh đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2022/0019702 ngày 21/03/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh. Bà T đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM ;
- VKSND quận Bình Thạnh ;
-THA DS quận Bình Thạnh;
-UBND Phường 3, quận Bình Thạnh, Tp.Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu HS (VP).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Thủy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM HÂN DÂN	**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Nguyễn Thanh Phước	**Nguyễn Thị Bính Thân** **Nguyễn Thị Thanh Thủy**